TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Ph**

Bản án số: 01A/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06/01/2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Đỗ Thị Hoài Mơ;

- Ông Nguyễn Hữu Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọ Thị Thanh Hà – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 437/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Vương Thị Q, sinh năm 1990 (có mặt).

Nơi cư trú: thôn L1, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Tạm trú: thôn L2, xã H1, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn*: Anh Lương Văn H, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn L1, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Vương Thị Q trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Lương Văn H kết hôn ngày 13/3/2013 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Lục Nam. Sau khi cưới, chị và anh H về ở với nhau ngay,

thời gian đầu hai người sống hạnh Ph và đã có một con chung là: Lương Xuân Ph, sinh ngày 25/5/2014.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do năm 2015 anh H đi nước ngoài, chị ở nhà, anh H không tin tưởng chị, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh H xúc phạm chị; năm 2020 anh H về nước, hai vợ chỗng vẫn cãi nhau thường xuyên. Hai bên đã được gia đình hòa giải, nhưng không thành, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị được ly hôn.

- Về con chung: chị và anh H có 1 con chung như trình bày ở trên, hiện nay cháu Lương Xuân Ph đang ở với anh H, ly hôn chị xin nuôi con chung. Chi đang làm tại doanh nghiệp ở tỉnh Hải Dương, thu nhập 6.000.000 đồng/tháng, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: để chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn, Lương Văn H trình bày*: anh công nhận điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn như chị Q trình bày là đúng. Sau khi cưới, anh và chị Q về ở với nhau ngay, thời gian đầu hai người sống hạnh Ph và đã có một con chung như chị Q trình bày.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị H đi làm ăn xa, nên hai bên không còn tình cảm. Đến năm 2017 thì chấm dứt quan hệ vợ chồng. Đến nay anh xác định không còn tình cảm với chị H, anh Đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh và chị H có 01 con chung là Lương Xuân Ph, sinh ngày 25/5/2014, hiện anh đang nuôi, ly hôn anh xin nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cho anh là 2.000.000 đồng/tháng; anh đang làm nghề lái xe, thu nhập 10.000.000 đồng/tháng.

* Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

* Nguyên đơn chị Vương Thị Q trình bày: sau khi chị và anh H cưới, anh H hay nghi ngờ chị, nên thường xuyên chửi mắng xúc phạm chị. Do kinh tế gia đình khó khăn, năm 2015 anh H đi nước ngoài làm ăn; năm 2016 chị cũng đi nước ngoài sang làm ăn cùng anh H; ở nước ngoài hai vợ chồng cãi nhau thường xuyên; năm 2018 anh H về nước, chị tiếp tục ở nước ngoài đến tháng 5/2022 thì về nước. Sau khi về nước đến đầu tháng 8/2022 thì chị và anh H sống ly thân, từ đó đến nay không còn quan hệ vợ chồng nữa. Đến nay chị không còn tình cảm với anh H và giữ nguyên quan điểm xin ly hôn.

Về con chung: chị và anh H có 01 con chung là Lương Xuân Ph, sinh ngày 25/5/2014, chị xin nuôi con; hiện chị đang làm công nhân, thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi con, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Từ khi chị đi nước ngoài năm 2016 đến khi chị về nước tháng 5/2022 cháu Ph ở với bố mẹ anh H và anh H. Hiện nay cháu Ph đang ở với anh H, cháu Ph học và phát triển bình thường.

Trường hợp nếu Tòa án giao con chung cho anh H nuôi dưỡng, thì chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H mỗi tháng từ 1,5 triệu đến 2 triệu đồng/tháng; nếu cấp dưỡng 2 triệu đồng thì hơi cao, thu nhập của chị thấp.

* Bị đơn anh Lương Văn H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến*:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã được Tòa án cho thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự; nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều: 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều: 28. 35, 39, 147, 227, 228, 171 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 và 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí; xử:

- Về quan hệ hôn nhân: cho chị Vương Thị Q được ly hôn anh Lương Văn H.

- Về con chung: giao cho anh Lương Văn H trực tiếp nuôi con chung Lương Xuân Ph, sinh ngày 25/5/2014.

Chị Vương Thị Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H mỗi tháng từ 1,5 triệu đồng đến 2 triệu đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Q có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Q thực hiện quyền này.

- Về án phí: Chị Vương Thị Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Tiền án phí được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Q đã nộp tạm ứng án phí ngày 06/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại

diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: chị Vương Thị Q có đơn xin ly hôn với anh Lương Văn H và xin nuôi con chung nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS) xác định quan hệ pháp luật là: ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Lương Văn H là bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

- Bị đơn anh Lương Văn H có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh H

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị Q và anh Lương Văn H kết hôn ngày 13/3/2013 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L. Nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thì chị Q và anh H về chung sống với nhau ngay, thời gian đầu hai người sống hạnh Ph và đã có 01 con chung là: Lương Xuân Ph, sinh ngày 25/5/2014.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do từ năm 2015 chị Q và anh H không tin tưởng nhau, dẫn đến hai vợ chồng cãi nhau thường xuyên. Đến năm 2018 thì hai bên chấm dứt quan hệ vợ chồng và sống ly thân, các bên đã được gia đình và Tòa án hòa giải về đoàn tụ, nhưng cả chị Q và anh H đều thống nhất xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, các bên không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cho chị Vương Thị Q được ly hôn anh Lương Văn H.

[2.2] Về con chung: Chị Q và anh H có 01 con chung là Lương Xuân Ph, sinh ngày 25/5/2014; cả chị Q và anh H đều có nguyện vọng nuôi con chung.

Xét thấy: Nuôi con vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của cả bố và mẹ; cháu Ph từ năm 2016 đến nay nay ở với bố mẹ anh H và anh H; Tòa án đã lấy lời khai của cháu Ph, cháu Ph cho biết có nguyện vọng được tiếp tục ở với anh H. Nên

để ổn định cuộc sống cho cháu Ph, cần giao cho anh H tiếp tục nuôi cháu Ph là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: cần buộc chị Q phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H mỗi tháng là 1.500.000 đồng kể từ ngày tuyên án cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản: do đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: chị Vương Thị Q là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 51, 56, 81 và 82, của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Vương Thị Q được ly hôn anh Lương Văn H.

2. Về con chung: giao cho anh Lương Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng con Lương Xuân Ph, sinh ngày 25/5/2014 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: buộc chị Lương Thị Q phải đóng góp cấp dương nuôi con chung cho anh Lương Văn H mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng); thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

Chị Vương Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Tiền án phí được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Q đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014034 ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Chị Q còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (tiền án phí không tính lãi).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Đ, huyện Lục Nam;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Lưu HS+VT.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Dương Thế Vinh